

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Building a better
working world

**Quỹ Đầu tư Trái phiếu
Phát triển Việt Nam VCAM-NH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 9
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	10
Báo cáo kiểm toán độc lập	11 - 12
Báo cáo thu nhập	13
Báo cáo tình hình tài chính	14 - 15
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	16
Báo cáo danh mục đầu tư	17
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	18 - 19
Thuyết minh báo cáo tài chính	20 - 57

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 149/GCN-UBCK ngày 1 tháng 6 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022 và Giấy chứng nhận điều chỉnh số 40/GCN-UBCK ngày 2 tháng 3 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 đồng, tương đương với 5.000.000 chứng chỉ quỹ. Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 12.566.188,87 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 125.661.888.700 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 151.759.670.800 đồng, tương đương với 15.175.967,08 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 11/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2022, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 22 tháng 9 năm 2022
Bà Phan Thị Hồng Lan	Thành viên độc lập	Ngày 22 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên độc lập	Ngày 22 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Pho Hop, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

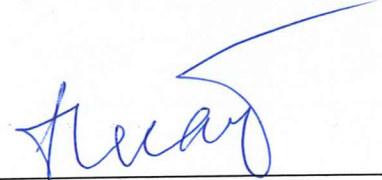
Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Nguyễn Minh Hoàng
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 149/GCN-UBCK ngày 1 tháng 6 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022 và Giấy chứng nhận điều chỉnh số 40/GCN-UBCK ngày 2 tháng 3 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ là 7,13% so với ngày 31 tháng 12 năm 2022.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Thấp

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

- Tổng giá trị tài sản ròng: 164.329.780.895 VND
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 15.175.967,08 chứng chỉ quỹ

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ: Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

- Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định; giá trị tài sản ròng của Quỹ không thấp hơn 50.000.000.000 đồng. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.
- Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định).
- Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 31/12/2023 (%)	Tại ngày 31/12/2022 (%)
Trái phiếu	65,51	33,00
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	24,12	13,13
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	7,29	23,15
Chứng chỉ tiền gửi	-	29,38
Tài sản khác	3,08	1,34
Cộng	100,00	100,00

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	164.329.780.895	152.190.430.191
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	15.175.967,08	15.056.943,98
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	10.828,29	10.107,65
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.828,29	10.107,65
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.108,99	9.972,38
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ	7,13	1,08
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá)	-545,28	Không áp dụng
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	552,41	Không áp dụng
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (b)	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (b)	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,56	1,75
14	Tốc độ vòng quay danh mục (Lần)	0,31	1,45

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tăng trưởng NAV/CCQ (%)</i>	<i>Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)</i>
1 năm	7,13	7,13
Từ khi thành lập	8,28	6,45

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

1. Kinh tế vĩ mô

Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô

GDP năm 2023 ước tính tăng 5,05% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng trưởng của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2023.

Sản xuất công nghiệp năm 2023 vẫn còn yếu

Theo Tổng cục Thống kê, ngành công nghiệp đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh tổng cầu thế giới suy giảm. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp năm 2023 chỉ tăng 3,02% so với năm trước, là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2023 đóng góp 1,0 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,62%, là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2023, đóng góp 0,93 điểm phần trăm.

PMI ngành sản xuất đạt kết quả 48,9 trong tháng 12, tháng thứ tư liên tiếp chỉ số PMI vẫn nằm dưới ngưỡng 50 điểm tuy nhiên nếu so với mức 47,3 điểm hồi tháng 11 tốc độ suy giảm của ngành sản xuất ở Việt Nam có dấu hiệu chậm hơn. Nhìn chung cả năm 2023, báo cáo đánh giá, sức khỏe ngành sản xuất của Việt Nam yếu trong hầu hết thời gian của năm 2023, chỉ cải thiện nhẹ trong tháng 2 và tháng 8. Kết quả chỉ số PMI trung bình của năm 2023 ở mức thấp nhất kể từ thời điểm bùng phát đại dịch COVID-19 vào năm 2020.

Xuất nhập khẩu chậm lại trong năm 2023

Theo Tổng cục thống kê tính chung cả năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% so với năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 4,4%; nhập khẩu giảm 8,9%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2023 ước tính xuất siêu 28 tỷ USD.

Nguồn vốn FDI giải ngân cao kỷ lục

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2023 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 36,6 tỷ USD, tăng 32,1% so với năm trước.

Lạm phát trong tầm kiểm soát

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2023 tăng 0,12% so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,58%. CPI bình quân quý IV/2023 tăng 3,54% so với quý IV/2022. Tính chung cả năm 2023, CPI tăng 3,25% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Bình quân năm 2023, lạm phát cơ bản tăng 4,16% so với năm 2022, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,25%).

Lãi suất điều hành được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh giảm 4 lần liên tiếp

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã điều chỉnh giảm các mức lãi suất với mức giảm từ 0,5%-2%/năm, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã giảm mạnh trong những tháng cuối năm.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

2. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp năm 2023 đạt 324.234 tỷ đồng, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2023, giá trị phát hành trái phiếu riêng lẻ là 287.164 tỷ đồng, giá trị phát hành ra công chúng là 37.070 tỷ đồng. Tỷ trọng phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2023 tăng vọt lên 11,43%, cao hơn 7,3% so với 2022 và là mức cao nhất kể từ 2015.

Năm 2023 ghi nhận quy mô trái phiếu mua lại trước đáo hạn ước đạt 231.000 tỷ đồng tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Áp lực đáo hạn vào năm 2024 và 2025 là tương đối lớn khi nhiều trái phiếu đáo hạn vào 2023 được gia hạn thêm 1 đến 2 năm. Từ đầu năm 2023, khoảng 36.915 tỷ đồng trái phiếu đã được kéo dài thời gian đáo hạn sang giai đoạn 2024-2025. Giá trị trái phiếu đến hạn vào năm 2024 và 2025 lần lượt là 220.456 tỷ đồng và 222.822 tỷ đồng, trong đó có khoảng 40% là trái phiếu bất động sản. Năm 2024 cũng là năm mà một số điều thuộc Nghị định 08 hết hiệu lực và áp dụng trở lại Nghị định 65, hoạt động phát hành để đảo nợ có thể sẽ gặp khó khăn khi các quy định về phát hành trở nên chặt chẽ hơn.

3. Thị trường quỹ mở trái phiếu

Trong đầu năm 2023, tâm lý các nhà đầu tư dần ổn định, không còn hiện tượng rút ròng khỏi các quỹ nhờ các chính sách hỗ trợ được ban hành.

Sàn giao dịch TPDN riêng lẻ chính thức đi vào vận hành vào ngày 19/07/2023. Theo thống kê của HNX, tính đến hết ngày 28/12/2023, khối lượng đăng ký giao dịch đạt gần 717 triệu trái phiếu, giá trị giao dịch đạt hơn 208.000 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

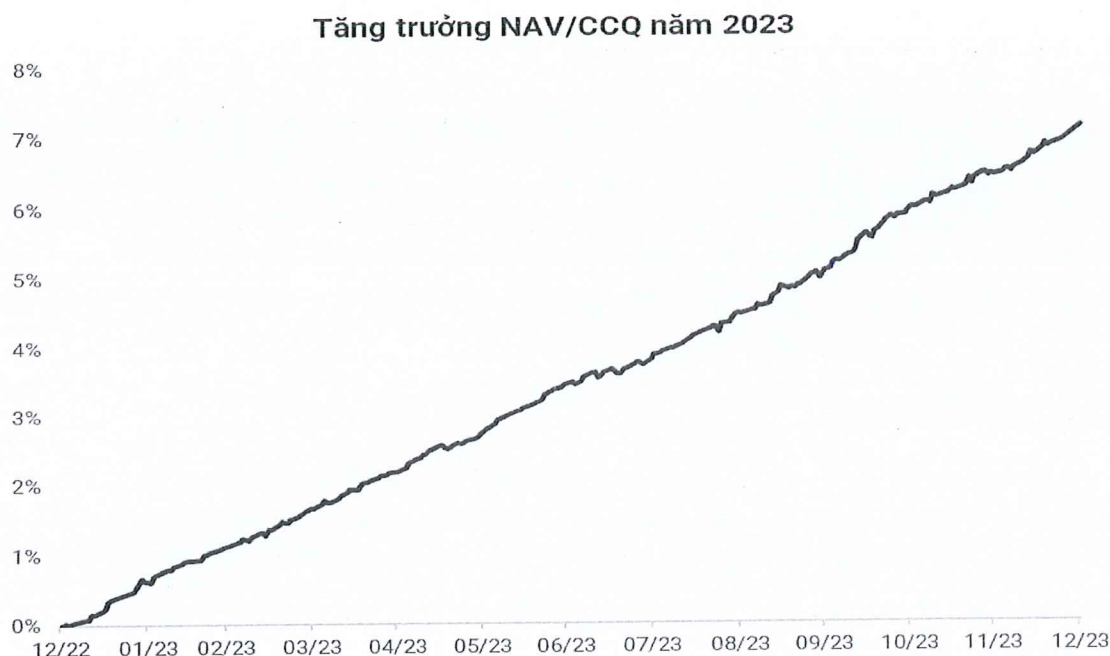
1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	Một năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	552,41	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	-545,28	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	7,13	8,28
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị CCQ	7,13	6,45

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	164.329.780.895	152.190.430.191	7,98
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ	10.828,29	10.107,65	7,13

Biểu đồ thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ của Quỹ:



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	168	51.986,23	0,34
Từ 5.000 đến 10.000	1	6.087,46	0,04
Từ 10.000 đến 50.000	3	30.000,00	0,20
Từ 50.000 đến 500.000	1	96.578,29	0,64
Trên 500.000	2	14.991.315,10	98,78
Tổng cộng	175	15.175.967,08	100,00

3. Chi phí ngậm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Thị trường trái phiếu được kỳ vọng khởi sắc trong năm 2024 với quy định pháp lý rõ ràng giúp khôi phục niềm tin, ngoài triển vọng kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi cũng trở thành động lực phát triển trên thị trường trái phiếu:

Vĩ mô lấy lại đà tăng trưởng sẽ hỗ trợ cho các doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh

Mục tiêu GDP năm 2024 sẽ đạt mức 6,0% đến 6,5%, cao hơn so với mức 5,0% của năm 2023, dựa trên sự hồi phục trên nền thấp của xuất khẩu, tiêu dùng và tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công.

Môi trường lãi suất thấp giúp thúc đẩy nhu cầu vốn

Tính đến cuối năm 2023, hầu hết lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các NHTM đều ở dưới mức 5%; lãi suất huy động bình quân nhóm NHTM lớn đã về 4,78%; trong khi nhóm NHTM nhỏ là 5,22%, thấp hơn cả giai đoạn 2020 - 2021 (Covid-19). Môi trường lãi suất thấp có thể giúp thúc đẩy nhu cầu vốn, với tăng trưởng tín dụng 2024 được dự báo đạt khoảng 13 - 14%.

Ngành Bất Động Sản đã bước qua giai đoạn khó khăn, dần phục hồi từ năm 2024

Quốc hội đã thông qua các luật trọng điểm trong năm 2023, đầu 2024, tạo hành lang pháp lý cho thị trường Bất động sản với Luật Kinh doanh Bất động sản (sửa đổi), Luật Nhà ở (sửa đổi) và Luật Đất đai (sửa đổi). Thị trường Bất động sản được kỳ vọng sẽ dần phục hồi từ năm 2024 nhờ hai lý do chính (1) nguồn cung cải thiện với vướng mắc pháp lý được tháo gỡ; (2) nhu cầu nhà ở phục hồi trong môi trường lãi suất thấp.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH ("Quỹ", tên viết tắt: VCAM-NH VABF) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong năm tài chính này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Võ Trí Thanh
Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT



Vũ Trường Sơn

Số tham chiếu: 13169814/67559390

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH ("Quỹ") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 13 đến trang 57, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính. Năm tài chính áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính kèm theo là từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, trong khi kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan là không so sánh được với dữ liệu của năm tài chính hiện tại.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1



Nguyễn Thị Quỳnh
Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4207-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO THU NHẬP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		13.383.372.387	2.354.258.020
02	1.1 Trái tức được chia		7.713.624.062	972.753.487
03	1.2 Tiền lãi được nhận	11	5.499.031.426	1.382.101.571
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	12	179.144.639	63.014
05	1.4 Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(8.496.920)	(660.052)
08	1.5 Doanh thu khác về đầu tư		69.180	-
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		25.055.993	23.771.343
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	13	25.055.993	23.771.343
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		2.452.552.097	671.346.880
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	21.1	1.582.617.395	398.358.524
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	14	181.320.834	49.639.750
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	21.2	92.400.000	25.409.996
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	21.2	198.000.000	54.450.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		158.400.000	35.767.742
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		120.000.000	60.000.000
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	15	119.813.868	47.720.868
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		10.905.764.297	1.659.139.797
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		10.905.764.297	1.659.139.797
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		10.914.261.217	1.659.799.849
32	6.2 Lỗ chưa thực hiện	5	(8.496.920)	(660.052)
40	VI. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		10.905.764.297	1.659.139.797

Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán quỹ

Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng



Ông Phạm Phò Hốp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	12.003.453.457	35.301.202.963
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		12.003.453.457	10.114.469.242
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		-	25.186.733.721
120	2. Các khoản đầu tư thuần		147.536.336.723	115.123.843.117
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	147.536.336.723	115.123.843.117
130	3. Các khoản phải thu		5.072.135.952	2.036.789.027
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		5.072.135.952	2.036.789.027
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	5.072.135.952	2.036.789.027
100	TỔNG TÀI SẢN		164.611.926.132	152.461.835.107
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ về mua bán CCQ		469.182	-
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		901.997	900.000
316	3. Chi phí phải trả	7	89.300.000	84.300.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		187	187
319	5. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	8	191.473.871	181.204.729
320	6. Phải trả, phải nộp khác		-	5.000.000
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		282.145.237	271.404.916
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẤM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		164.329.780.895	152.190.430.191
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		151.759.670.800	150.569.439.800
412	1.1 Vốn góp phát hành	9	151.811.059.000	150.576.039.800
413	1.2 Vốn góp mua lại	9	(51.388.200)	(6.600.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	9	5.206.001	(38.149.406)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	10	12.564.904.094	1.659.139.797
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	9	10.828,29	10.107,65

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	17	15.175.967,08	15.056.943,98


Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán quỹ


Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng




Ông Phạm Phú Hốp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (“NAV”) đầu năm/tại ngày thành lập	152.190.430.191	125.661.888.700
II	Thay đổi NAV trong năm/kỳ	10.905.764.297	1.659.139.797
II.1	Trong đó: - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm/kỳ	10.905.764.297	1.659.139.797
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	1.233.586.407	24.869.401.694
III.1	Trong đó: - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	1.281.058.105	24.875.999.975
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(47.471.698)	(6.598.281)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm/kỳ	164.329.780.895	152.190.430.191


 Bà Nguyễn Thị Nhung
 Kế toán quỹ


 Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán Trưởng


 Ông Phạm Phú Hạp
 Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (%)
I	Trái phiếu			107.836.336.723	65,51
1	Trái phiếu niêm yết			96.834.355.253	58,83
1.1	- BAF122029	60.000	99.307,247	5.958.434.795	3,61
1.2	- CII121029	50.000	100.147,692	5.007.384.615	3,04
1.3	- CTD122015	5	1.000.000.000	5.000.000.000	3,04
1.4	- CTG121030	199.600	99.598,671	19.879.894.778	12,08
1.5	- CTG121031	40.000	99.105,822	3.964.232.877	2,41
1.6	- GEG121022	49.700	99.846,260	4.962.359.135	3,01
1.7	- MSN121013	130.000	100.000,000	13.000.000.000	7,90
1.8	- MSN121015	110.900	100.000,000	11.090.000.000	6,74
1.9	- SBT121002	57.100	98.929,172	5.648.855.747	3,43
1.10	- TNG122017	70.000	98.405,667	6.888.396.712	4,18
1.11	- VBA122001	4.919	89.350,128	439.513.278	0,27
1.12	- VHM121024	50.000	100.944,080	5.047.203.985	3,07
1.13	- VHM121025	50.000	96.300,041	4.815.002.055	2,93
1.14	- VRE12007	50.000	102.661,546	5.133.077.276	3,12
2	Trái phiếu chưa niêm yết			11.001.981.470	6,68
2.1	Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 (PC112201)	110	100.018.013	11.001.981.470	6,68
II	Các tài sản khác			5.072.135.952	3,08
1	Dự thu lãi trái phiếu			2.740.240.072	1,66
2	Dự thu lãi tiền gửi			2.331.895.880	1,42
III	Tiền			51.703.453.457	31,41
1	Tiền gửi ngân hàng			51.703.453.457	31,41
1.1	- Tiền gửi thanh toán			12.003.453.457	7,29
1.2	- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng			39.700.000.000	24,12
IV	Tổng giá trị danh mục			164.611.926.132	100,00

Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán quỹ

Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Phú Hốp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		10.905.764.297	1.659.139.797
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		13.496.920	84.960.052
03	Trong đó:			
03	Lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	8.496.920	660.052
04	Chi phí trích trước		5.000.000	84.300.000
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		10.919.261.217	1.744.099.849
20	Tăng các khoản đầu tư		(32.420.990.526)	(115.124.503.169)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(3.035.346.925)	(2.036.789.027)
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ về mua bán CCQ		469.182	-
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.997	900.000
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		-	187
15	(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác		(5.000.000)	5.000.000
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		10.269.142	181.204.729
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(24.531.335.913)	(115.230.087.431)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	9	1.281.058.105	24.875.999.975
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	9	(47.471.698)	(6.598.281)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.233.586.407	24.869.401.694
40	III. Giảm tiền thuần trong kỳ		(23.297.749.506)	(90.360.685.737)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		35.301.202.963	125.661.888.700
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		12.003.453.457	35.301.202.963
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		12.003.453.457	35.301.202.963
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		12.003.452.536	35.301.202.963
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	4	-	25.186.733.721
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ	4	12.003.452.536	10.114.469.242
58	- Tiền gửi đầu tư của nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ		921	-
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(23.297.749.506)	(90.360.685.737)


 Bà Nguyễn Thị Nhung
 Kế toán quỹ


 Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán Trưởng


 Ông Phạm Phú Hợp
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 149/GCN-UBCK ngày 1 tháng 6 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022 và Giấy chứng nhận điều chỉnh số 40/GCN-UBCK ngày 2 tháng 3 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 11/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2022, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 đồng, tương đương với 5.000.000 chứng chỉ Quỹ. Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 12.566.188,87 chứng chỉ với tổng giá trị là 125.661.888.700 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 151.759.670.800 đồng, tương đương với 15.175.967,08 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi tùy theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và được báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống "Top-Down Approach", trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành.

Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên "Bottom-Up Approach" trong việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá đơn vị phát hành và các diễn biến riêng lẻ của các trái phiếu này trước tác động của khuynh hướng thị trường.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Ngày định giá là ngày làm việc trong tuần (với kỳ định giá hàng ngày) và là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo (với kỳ định giá hàng tháng).

Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hằng ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần. Ngày giao dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Quỹ sẽ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên;
- Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ
- e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- g) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ đó;
- h) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ii. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - iii. Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- j) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư được quy định tại điểm (b), (c), (d), (e) và (h) và chỉ do các nguyên nhân sau:

- Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành ;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sát nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện sai lệch và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.3).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1. *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2. *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3. *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 (ngày thành lập) và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Các kỳ kế toán năm sau của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4. *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

2.5. *Cam kết tuân thủ*

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

2.6. *Thông tin so sánh*

Năm tài chính áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính này là từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, trong khi kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, báo cáo tình hình lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan không so sánh được với dữ liệu của năm tài chính hiện tại do khác biệt về kỳ kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng và chứng chỉ tiền gửi.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "*Các khoản đầu tư*". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "*Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*" trên báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "*Các khoản đầu tư*" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "*Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư*" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác.	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất coupon phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng khoán phái sinh		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn (15) ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
15.	Quyền mua chứng khoán	Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ lập báo cáo tài chính. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày của báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện Quỹ thông qua.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

3.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như phí dịch vụ quản lý, phí dịch vụ giám sát, phí dịch vụ lưu ký, phí dịch vụ quản trị quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.5.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.5.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.5.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "Lợi nhuận phân phối" vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong năm, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua, mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.8.1 Phí dịch vụ quản lý quỹ

Theo quy định của Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 thì phí dịch vụ quản lý quỹ mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng của Quỹ. Theo đó, phí dịch vụ quản lý quỹ là 1% (một phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí dịch vụ quản lý Quỹ được tính (trích lập) cho các Ngày định giá thực hiện trong tháng và được trả cho Công ty quản lý quỹ trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ.

3.8.2 Phí dịch vụ quản trị quỹ

Phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% (không phẩy không ba phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí dịch vụ quản trị Quỹ được tính (trích lập) vào các ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Phí dịch vụ quản trị quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Mức phí dịch vụ quản trị Quỹ tối thiểu là 15.000.000 (mười lăm triệu) Đồng Việt Nam/tháng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.8.3 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng cố định là 12.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phí dịch vụ lập danh sách thực hiện quyền là 1.000.000 đồng trên một lần lập danh sách. Phí có thể thay đổi theo thời điểm, được điều chỉnh và cập nhật cho Nhà đầu tư tại Bản cáo bạch căn cứ vào hợp đồng và các phụ lục sửa đổi bổ sung được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Đại lý chuyển nhượng. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.8.4 Phí dịch vụ giám sát

Phí dịch vụ giám sát Quỹ là 0,02% (không phẩy không hai phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí dịch vụ giám sát Quỹ được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Phí dịch vụ giám sát quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Mức phí dịch vụ giám sát Quỹ tối thiểu là 7.000.000 Đồng Việt Nam/tháng.

3.8.5 Phí dịch vụ lưu ký

Phí dịch vụ lưu ký Quỹ là 0,06% (không phẩy không sáu phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí dịch vụ lưu ký được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Mức phí dịch vụ lưu ký Quỹ tối thiểu là 15.000.000 Đồng Việt Nam/tháng.

3.8.6 Phí dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá phí lưu ký xử lý hồ sơ đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tối thiểu là 100.000 đồng/ngày giao dịch và tối đa là 10.000.000 đồng/ngày giao dịch và công thức tính là 0,01% giá trị giao dịch. Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác thì mức phí dịch vụ giao dịch chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát là 100.000 đồng/giao dịch.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư, Công văn số 741/CCTQ3-TTHT ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc trả lời công văn số 22/2022/CV-VCAM ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt về chính sách thuế.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận được phân phối và kê khai, nộp thuế thay cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đối với các nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, các nhà đầu tư này có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành khi nhận lợi tức, và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật cho việc kê khai và nộp thuế trên thu nhập phát sinh. Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân (không phân biệt cá nhân trong nước hay nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi, bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu trái tức, tiền lãi các khoản đầu tư, và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	12.003.452.536	10.114.469.242
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ	921	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng bằng VND	-	25.186.733.721
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	20.186.733.721
- Ngân hàng TMCP Á Châu	-	5.000.000.000
	12.003.453.457	35.301.202.963

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch giảm thuần VND	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (a)	96.843.512.225	96.834.355.253	283.408.478	(292.565.450)	(9.156.972)	96.834.355.253
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (b)	11.001.981.470	11.001.981.470	-	-	-	11.001.981.470
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng (c)	39.700.000.000	39.700.000.000	-	-	-	39.700.000.000
	147.545.493.695	147.536.336.723	283.408.478	(292.565.450)	(9.156.972)	147.536.336.723
Ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	42.538.051.359	42.537.391.307	66.704.424	(67.364.476)	(660.052)	42.537.391.307
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	7.774.169.096	7.774.169.096	-	-	-	7.774.169.096
Chứng chỉ tiền gửi	44.786.803.262	44.786.803.262	-	-	-	44.786.803.262
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	20.025.479.452	20.025.479.452	-	-	-	20.025.479.452
	115.124.503.169	115.123.843.117	66.704.424	(67.364.476)	(660.052)	115.123.843.117
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập						(8.496.920)

- a) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, Công ty Cổ phần Thành Thành Công-Biên Hòa, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Công ty Cổ phần Vinhomes và Công ty Cổ phần Vincom Retail phát hành có kỳ hạn từ 3 năm đến 10 năm, lãi suất từ 6,15%/năm đến 13,78%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng, 6 tháng hoặc 1 năm/ lần.
- b) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 phát hành có kỳ hạn 5 năm, lãi suất 10,00%/năm, trả lãi định kỳ 6 tháng/ lần.
- c) Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Bản Việt, Ngân hàng TMCP Tiên Phong lãi suất từ 7,60%/năm đến 9,00%/năm.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

6. DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Dự thu tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	-	1.093.808.225
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	2.740.240.072	621.772.643
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	2.331.895.880	321.208.159
	5.072.135.952	2.036.789.027

7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phí kiểm toán	65.000.000	60.000.000
Thù lao ban đại diện quỹ	24.300.000	24.300.000
	89.300.000	84.300.000

8. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả phí dịch vụ quản lý quỹ	139.073.871	128.804.729
Phải trả phí dịch vụ quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.000.000	15.000.000
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	13.200.000	13.200.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	7.700.000	7.700.000
	191.473.871	181.204.729

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

9. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số đầu năm VND	Phát sinh trong năm VND	Số cuối năm VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	15.057.603,98	123.501,92	15.181.105,90
Giá trị ghi theo mệnh giá	150.576.039.800	1.235.019.200	151.811.059.000
Thặng dư vốn	(38.151.125)	46.038.905	7.887.780
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	150.537.888.675	1.281.058.105	151.818.946.780
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(660)	(4.478,82)	(5.138,82)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(6.600.000)	(44.788.200)	(51.388.200)
Thặng dư vốn	1.719	(2.683.498)	(2.681.779)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(6.598.281)	(47.471.698)	(54.069.979)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	15.056.943,98	119.023,10	15.175.967,08
Giá trị vốn góp hiện hành	150.531.290.394	1.233.586.407	151.764.876.801
Lợi nhuận chưa phân phối	1.659.139.797	10.905.764.297	12.564.904.094
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	152.190.430.191		164.329.780.895
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	10.107,65		10.828,29

10. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	1.659.139.797	-
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	10.905.764.297	1.659.139.797
Trong đó:		
- Lợi nhuận đã thực hiện	10.914.261.217	1.659.799.849
- Lỗ chưa thực hiện	(8.496.920)	(660.052)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	12.564.904.094	1.659.139.797

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

11. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Năm nay VND	năm 2022 VND
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	4.823.201.503	796.604.892
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	652.931.501	523.643.841
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	22.898.422	61.852.838
	5.499.031.426	1.382.101.571

12. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong kỳ VND
Trái phiếu niêm yết	24.734.700.000	24.594.583.003	140.116.997
Trái phiếu chưa niêm yết	7.600.000.000	7.774.169.096	(174.169.096)
Chứng chỉ tiền gửi	45.000.000.000	44.786.803.262	213.196.738
	77.334.700.000	77.155.555.361	179.144.639

Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến
ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Tổng giá trị bán trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán trong kỳ VND
Trái phiếu niêm yết	10.552.700.000	10.552.636.986	63.014
	10.552.700.000	10.552.636.986	63.014

13. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Năm nay VND	năm 2022 VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	16.180.790	15.169.809
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	8.875.203	7.018.629
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	-	1.582.905
	25.055.993	23.771.343

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

B06-QM

13. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên công ty chứng khoán	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân (%)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%)
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)/ (5)	(7)	(8)
1	Công ty cổ phần chứng khoán ASAM	Không liên quan Không liên quan	52.201.260.400	80.903.955.090	64,52	0,02	0,00 - 0,45
2	Công ty cổ phần chứng khoán Ròng Việt		28.702.694.690	80.903.955.090	35,48	0,02	0,00 - 0,45
Tổng			80.903.955.090		100,00		

(*) Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ có tính đến toàn bộ giao dịch của trái phiếu niêm yết.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

B06-QM

13. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT (1)	Tên công ty chứng khoán (2)	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ (3)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân (%) (7)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%) (8)
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND (4)	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND (5)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ (%) (6) = (4)/(5)		
1	Công ty TNHH Chứng khoán NH Việt Nam	Không liên quan	60.019.792.360	65.186.292.623	92,07	0,015	0,00 - 0,45
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	Không liên quan	5.166.500.263	65.186.292.623	7,93	0,150	0,00 - 0,45
Tổng			65.186.292.623		100,00		

(*) Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ có tính đến toàn bộ giao dịch của trái phiếu niêm yết.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

14. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	180.000.000	49.500.000
Phí dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở trả cho Tổng Công Ty Lưu ký và Bù Trừ Chứng khoán Việt Nam	1.320.834	139.750
	181.320.834	49.639.750

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	108.000.000	29.700.000
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	7.500.000	5.000.000
Phí ngân hàng	4.203.868	13.020.868
Phí khác	110.000	-
	119.813.868	47.720.868

16. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/ đơn vị quỹ VND
1	31-12-22	152.190.430.191	15.056.943,98	10.107,65	-
2	02-01-23	152.236.217.688	15.056.943,98	10.110,69	3,04
3	03-01-23	152.210.642.268	15.056.943,98	10.108,99	(1,70)
4	04-01-23	152.221.752.492	15.056.943,98	10.109,73	0,74
5	05-01-23	152.245.786.332	15.056.943,98	10.111,33	1,60
6	08-01-23	152.299.672.864	15.056.943,98	10.114,91	3,58
7	09-01-23	152.313.022.777	15.056.943,98	10.115,79	0,88
8	10-01-23	152.310.399.536	15.056.943,98	10.115,62	(0,17)
9	11-01-23	152.416.340.084	15.056.943,98	10.122,66	7,04
10	12-01-23	152.424.207.870	15.056.943,98	10.123,18	0,52
11	15-01-23	152.505.325.043	15.056.943,98	10.128,57	5,39
12	16-01-23	152.550.483.303	15.056.943,98	10.131,57	3,00
13	17-01-23	152.710.129.183	15.056.943,98	10.142,17	10,60
14	18-01-23	152.756.352.744	15.056.943,98	10.145,24	3,07

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

16. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
15	25-01-23	152.901.997.195	15.056.943,98	10.154,91	9,67
16	26-01-23	152.927.293.941	15.056.943,98	10.156,59	1,68
17	29-01-23	153.202.881.033	15.056.943,98	10.174,89	18,30
18	30-01-23	153.132.121.429	15.056.943,98	10.170,19	(4,70)
19	31-01-23	153.124.467.272	15.056.943,98	10.169,69	(0,50)
20	01-02-23	153.111.086.917	15.056.943,98	10.168,80	(0,89)
21	02-02-23	153.256.528.375	15.056.943,98	10.178,46	9,66
22	05-02-23	153.353.005.741	15.056.943,98	10.184,86	6,40
23	06-02-23	153.376.679.012	15.056.943,98	10.186,44	1,58
24	07-02-23	153.403.257.616	15.056.943,98	10.188,20	1,76
25	08-02-23	153.402.460.381	15.056.943,98	10.188,15	(0,05)
26	09-02-23	153.456.443.331	15.056.943,98	10.191,73	3,58
27	12-02-23	153.532.108.411	15.056.943,98	10.196,76	5,03
28	13-02-23	153.560.117.037	15.056.943,98	10.198,62	1,86
29	14-02-23	153.592.116.583	15.056.943,98	10.200,74	2,12
30	15-02-23	153.599.924.407	15.056.943,98	10.201,26	0,52
31	16-02-23	153.597.382.207	15.056.943,98	10.201,09	(0,17)
32	19-02-23	153.617.571.112	15.056.943,98	10.202,44	1,35
33	20-02-23	153.718.498.004	15.056.943,98	10.209,14	6,70
34	21-02-23	153.723.639.562	15.056.943,98	10.209,48	0,34
35	22-02-23	153.768.432.003	15.056.943,98	10.212,45	2,97
36	23-02-23	153.777.166.114	15.056.943,98	10.213,03	0,58
37	26-02-23	153.856.785.196	15.056.943,98	10.218,32	5,29
38	27-02-23	153.865.642.948	15.056.943,98	10.218,91	0,59
39	28-02-23	153.888.234.159	15.056.943,98	10.220,41	1,50
40	01-03-23	153.918.795.285	15.056.943,98	10.222,44	2,03
41	02-03-23	153.935.611.463	15.056.943,98	10.223,56	1,12
42	05-03-23	154.000.245.952	15.056.943,98	10.227,85	4,29
43	06-03-23	154.061.154.966	15.056.943,98	10.231,90	4,05
44	07-03-23	154.049.601.617	15.056.943,98	10.231,13	(0,77)
45	08-03-23	154.032.150.157	15.056.943,98	10.229,97	(1,16)
46	09-03-23	154.109.552.353	15.056.943,98	10.235,11	5,14
47	12-03-23	154.187.992.708	15.056.943,98	10.240,32	5,21
48	13-03-23	154.193.909.191	15.056.943,98	10.240,71	0,39
49	14-03-23	154.124.941.065	15.056.943,98	10.236,13	(4,58)
50	15-03-23	154.252.753.510	15.056.943,98	10.244,62	8,49
51	16-03-23	154.263.209.284	15.056.943,98	10.245,31	0,69
52	19-03-23	154.370.721.621	15.056.943,98	10.252,46	7,15
53	20-03-23	154.431.367.319	15.056.943,98	10.256,48	4,02
54	21-03-23	154.412.768.921	15.056.943,98	10.255,25	(1,23)
55	22-03-23	154.413.288.865	15.056.943,98	10.255,28	0,03
56	23-03-23	154.480.738.690	15.056.943,98	10.259,76	4,48
57	26-03-23	154.532.661.381	15.056.943,98	10.263,21	3,45
58	27-03-23	154.602.547.480	15.056.943,98	10.267,85	4,64
59	28-03-23	154.646.917.190	15.056.943,98	10.270,80	2,95
60	29-03-23	154.680.969.306	15.056.943,98	10.273,06	2,26
61	30-03-23	154.718.478.639	15.056.943,98	10.275,55	2,49

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

16. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
62	31-03-23	154.716.225.064	15.056.943,98	10.275,40	(0,15)
63	02-04-23	154.773.696.238	15.056.943,98	10.279,22	3,82
64	03-04-23	154.807.630.298	15.056.943,98	10.281,47	2,25
65	04-04-23	154.894.735.848	15.057.137,52	10.287,13	5,66
66	05-04-23	154.843.002.112	15.057.234,23	10.283,62	(3,51)
67	06-04-23	154.840.072.934	15.057.234,23	10.283,43	(0,19)
68	09-04-23	154.935.306.203	15.057.814,77	10.289,36	5,93
69	10-04-23	155.009.345.640	15.057.911,47	10.294,21	4,85
70	11-04-23	155.046.797.004	15.058.588,05	10.296,23	2,02
71	12-04-23	155.072.047.254	15.058.829,63	10.297,74	1,51
72	13-04-23	155.149.950.745	15.058.829,63	10.302,92	5,18
73	16-04-23	155.150.654.755	15.058.829,63	10.302,96	0,04
74	17-04-23	155.276.552.894	15.058.829,63	10.311,32	8,36
75	18-04-23	155.288.206.479	15.058.926,12	10.312,03	0,71
76	19-04-23	155.305.723.035	15.058.916,12	10.313,20	1,17
77	20-04-23	156.334.938.210	15.155.394,41	10.315,46	2,26
78	23-04-23	156.405.106.757	15.155.280,23	10.320,17	4,71
79	24-04-23	156.448.674.537	15.155.569,46	10.322,85	2,68
80	25-04-23	156.451.618.753	15.155.569,46	10.323,04	0,19
81	26-04-23	156.471.582.908	15.155.665,84	10.324,29	1,25
82	27-04-23	156.512.232.115	15.155.665,84	10.326,97	2,68
83	30-04-23	156.534.714.615	15.156.147,58	10.328,13	1,16
84	03-05-23	156.629.579.044	15.156.147,58	10.334,39	6,26
85	04-05-23	156.739.022.705	15.156.147,58	10.341,61	7,22
86	07-05-23	156.817.437.157	15.156.493,94	10.346,55	4,94
87	08-05-23	156.849.125.230	15.156.493,94	10.348,64	2,09
88	09-05-23	156.909.718.667	15.156.493,94	10.352,63	3,99
89	10-05-23	156.922.160.998	15.156.590,05	10.353,39	0,76
90	11-05-23	157.010.057.624	15.156.782,25	10.359,06	5,67
91	14-05-23	157.085.802.593	15.156.974,35	10.363,92	4,86
92	15-05-23	157.118.542.538	15.156.974,35	10.366,08	2,16
93	16-05-23	157.137.505.963	15.156.974,35	10.367,33	1,25
94	17-05-23	157.060.534.643	15.156.974,35	10.362,26	(5,07)
95	18-05-23	157.054.511.176	15.156.974,35	10.361,86	(0,40)
96	21-05-23	157.162.066.676	15.156.974,35	10.368,96	7,10
97	22-05-23	157.175.630.787	15.156.974,35	10.369,85	0,89
98	23-05-23	157.150.960.013	15.156.974,35	10.368,22	(1,63)
99	24-05-23	157.188.448.036	15.157.454,18	10.370,37	2,15
100	25-05-23	157.218.893.474	15.157.454,18	10.372,38	2,01
101	28-05-23	157.266.888.780	15.157.454,18	10.375,54	3,16
102	29-05-23	157.306.251.836	15.157.454,18	10.378,14	2,60
103	30-05-23	157.379.187.853	15.157.645,92	10.382,82	4,68
104	31-05-23	157.427.369.363	15.157.645,92	10.386,00	3,18
105	01-06-23	157.490.384.373	15.157.741,72	10.390,09	4,09
106	04-06-23	157.592.776.714	15.157.741,72	10.396,85	6,76
107	05-06-23	157.692.869.830	15.157.741,72	10.403,45	6,60
108	06-06-23	157.718.696.815	15.157.741,72	10.405,15	1,70
109	07-06-23	157.745.466.436	15.157.741,72	10.406,92	1,77
110	08-06-23	157.775.717.728	15.158.076,33	10.408,69	1,77

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

16. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
111	11-06-23	157.855.816.261	15.158.076,33	10.413,97	5,28
112	12-06-23	157.890.929.563	15.158.076,33	10.416,29	2,32
113	13-06-23	157.914.958.168	15.157.980,28	10.417,94	1,65
114	14-06-23	157.941.722.412	15.157.980,28	10.419,70	1,76
115	15-06-23	157.964.152.957	15.157.980,28	10.421,18	1,48
116	18-06-23	158.042.370.813	15.157.980,28	10.426,34	5,16
117	19-06-23	158.074.730.333	15.158.075,71	10.428,41	2,07
118	20-06-23	158.104.809.659	15.158.171,12	10.430,33	1,92
119	21-06-23	158.123.504.634	15.158.171,12	10.431,56	1,23
120	22-06-23	158.265.795.369	15.158.266,50	10.440,89	9,33
121	25-06-23	158.368.086.031	15.158.266,50	10.447,63	6,74
122	26-06-23	158.398.671.506	15.158.266,50	10.449,65	2,02
123	27-06-23	158.381.388.168	15.158.456,74	10.448,38	(1,27)
124	28-06-23	158.442.387.752	15.158.456,74	10.452,40	4,02
125	29-06-23	158.476.566.267	15.158.456,74	10.454,66	2,26
126	30-06-23	158.506.501.305	15.158.456,74	10.456,63	1,97
127	02-07-23	158.543.675.667	15.158.456,74	10.459,09	2,46
128	03-07-23	158.482.238.986	15.158.932,40	10.454,70	(4,39)
129	04-07-23	158.529.022.136	15.159.027,57	10.457,73	3,03
130	05-07-23	158.558.413.906	15.159.217,85	10.459,53	1,80
131	06-07-23	158.657.141.968	15.159.312,97	10.465,98	6,45
132	09-07-23	158.746.755.761	15.159.312,97	10.471,89	5,91
133	10-07-23	158.762.153.929	15.159.312,97	10.472,91	1,02
134	11-07-23	158.630.119.347	15.159.216,26	10.464,26	(8,65)
135	12-07-23	158.671.151.053	15.160.357,28	10.466,18	1,92
136	13-07-23	158.781.198.251	15.160.357,28	10.473,44	7,26
137	16-07-23	158.856.312.653	15.160.357,28	10.478,40	4,96
138	17-07-23	158.808.816.957	15.160.357,28	10.475,26	(3,14)
139	18-07-23	158.740.495.856	15.160.357,28	10.470,76	(4,50)
140	19-07-23	158.743.362.275	15.160.642,35	10.470,75	(0,01)
141	20-07-23	158.829.510.510	15.160.927,42	10.476,23	5,48
142	23-07-23	158.925.677.913	15.161.022,39	10.482,51	6,28
143	24-07-23	158.956.485.465	15.160.997,39	10.484,56	2,05
144	25-07-23	158.997.303.633	15.160.997,39	10.487,25	2,69
145	26-07-23	159.010.597.960	15.161.092,26	10.488,07	0,82
146	27-07-23	158.937.138.232	15.161.092,26	10.483,22	(4,85)
147	30-07-23	159.061.619.498	15.161.092,26	10.491,43	8,21
148	31-07-23	159.183.572.924	15.161.092,26	10.499,47	8,04
149	01-08-23	159.195.722.215	15.162.229,44	10.499,49	0,02
150	02-08-23	159.225.388.905	15.162.229,44	10.501,44	1,95
151	03-08-23	159.258.115.057	15.162.324,18	10.503,54	2,10
152	06-08-23	159.340.110.919	15.162.987,22	10.508,49	4,95
153	07-08-23	159.337.270.974	15.163.081,90	10.508,23	(0,26)
154	08-08-23	159.373.800.572	15.163.176,58	10.510,58	2,35
155	09-08-23	159.395.385.213	15.163.555,24	10.511,74	1,16
156	10-08-23	159.418.723.306	15.163.649,89	10.513,21	1,47
157	13-08-23	159.558.436.005	15.163.649,89	10.522,42	9,21
158	14-08-23	159.631.962.965	15.163.744,44	10.527,21	4,79
159	15-08-23	159.638.254.006	15.163.840,46	10.527,56	0,35
160	16-08-23	159.672.065.685	15.163.982,23	10.529,69	2,13

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

16. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

<i>STT</i>	<i>Ngày tính NAV</i>	<i>NAV VND</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ</i>	<i>NAV/đơn vị quỹ VND</i>	<i>Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND</i>
161	17-08-23	159.708.354.574	15.164.360,20	10.531,82	2,13
162	20-08-23	159.795.774.841	15.164.808,95	10.537,27	5,45
163	21-08-23	159.825.778.498	15.164.808,95	10.539,25	1,98
164	22-08-23	159.827.561.858	15.165.092,16	10.539,17	(0,08)
165	23-08-23	159.700.130.512	15.164.900,08	10.530,90	(8,27)
166	24-08-23	159.886.581.175	15.164.900,08	10.543,20	12,30
167	27-08-23	159.917.220.263	15.165.088,82	10.545,08	1,88
168	28-08-23	160.035.121.748	15.165.088,82	10.552,86	7,78
169	29-08-23	160.119.723.000	15.165.296,25	10.558,29	5,43
170	30-08-23	160.146.237.889	15.165.290,48	10.560,05	1,76
171	31-08-23	160.108.721.693	15.165.240,48	10.557,61	(2,44)
172	04-09-23	160.214.751.091	15.165.240,48	10.564,60	6,99
173	05-09-23	160.208.411.549	15.165.240,48	10.564,18	(0,42)
174	06-09-23	160.312.211.006	15.165.099,48	10.571,12	6,94
175	07-09-23	160.298.193.078	15.165.099,48	10.570,20	(0,92)
176	10-09-23	160.331.862.134	15.165.099,48	10.572,42	2,22
177	11-09-23	160.488.527.205	15.165.099,48	10.582,75	10,33
178	12-09-23	160.545.783.202	15.165.663,60	10.586,13	3,38
179	13-09-23	160.575.171.779	15.165.663,60	10.588,07	1,94
180	14-09-23	160.740.704.722	15.165.757,57	10.598,92	10,85
181	17-09-23	160.664.939.040	15.165.851,44	10.593,86	(5,06)
182	18-09-23	160.713.908.289	15.165.851,44	10.597,09	3,23
183	19-09-23	160.694.161.285	15.165.945,33	10.595,72	(1,37)
184	20-09-23	160.748.631.600	15.165.845,33	10.599,38	3,66
185	21-09-23	160.755.542.010	15.165.845,33	10.599,84	0,46
186	24-09-23	160.908.780.336	15.165.745,33	10.610,01	10,17
187	25-09-23	160.994.130.266	15.166.683,12	10.614,98	4,97
188	26-09-23	161.016.386.504	15.166.870,58	10.616,32	1,34
189	27-09-23	161.056.172.709	15.166.870,58	10.618,94	2,62
190	28-09-23	160.910.671.018	15.166.396,80	10.609,68	(9,26)
191	30-09-23	161.081.058.551	15.166.396,80	10.620,91	11,23
192	01-10-23	161.114.020.880	15.166.396,80	10.623,09	2,18
193	02-10-23	161.132.250.371	15.166.396,80	10.624,29	1,20
194	03-10-23	161.266.206.983	15.166.584,10	10.632,99	8,70
195	04-10-23	161.315.771.085	15.167.332,70	10.635,73	2,74
196	05-10-23	161.289.456.800	15.167.426,25	10.633,93	(1,80)
197	08-10-23	161.423.180.343	15.167.613,37	10.642,62	8,69
198	09-10-23	161.456.357.787	15.167.706,86	10.644,74	2,12
199	10-10-23	161.470.522.789	15.167.800,33	10.645,61	0,87
200	11-10-23	161.562.019.444	15.167.800,33	10.651,64	6,03
201	12-10-23	161.760.523.911	15.167.893,74	10.664,66	13,02
202	15-10-23	161.890.948.846	15.166.834,45	10.674,01	9,35
203	16-10-23	161.818.991.444	15.166.927,66	10.669,20	(4,81)
204	17-10-23	161.788.736.730	15.166.910,67	10.667,21	(1,99)
205	18-10-23	161.940.199.420	15.166.910,67	10.677,20	9,99
206	19-10-23	161.983.740.585	15.166.910,67	10.680,07	2,87
207	22-10-23	162.210.368.185	15.166.910,67	10.695,01	14,94
208	23-10-23	162.255.133.094	15.167.096,73	10.697,83	2,82
209	24-10-23	162.260.795.820	15.167.096,73	10.698,21	0,38
210	25-10-23	162.233.994.025	15.167.096,73	10.696,44	(1,77)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

16. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
211	26-10-23	162.298.685.918	15.167.096,73	10.700,70	4,26
212	29-10-23	162.321.183.734	15.167.096,73	10.702,19	1,49
213	30-10-23	162.404.372.709	15.167.002,01	10.707,74	5,55
214	31-10-23	162.473.412.641	15.167.002,01	10.712,29	4,55
215	01-11-23	162.473.849.035	15.167.094,89	10.712,25	(0,04)
216	02-11-23	162.476.894.167	15.167.094,89	10.712,45	0,20
217	05-11-23	162.582.349.892	15.167.094,89	10.719,41	6,96
218	06-11-23	162.587.017.724	15.167.094,89	10.719,72	0,31
219	07-11-23	162.561.895.711	15.167.280,51	10.717,93	(1,79)
220	08-11-23	162.723.136.843	15.167.280,51	10.728,56	10,63
221	09-11-23	162.686.593.060	15.167.280,51	10.726,15	(2,41)
222	12-11-23	162.750.039.747	15.167.373,27	10.730,27	4,12
223	13-11-23	162.760.329.619	15.167.465,99	10.730,88	0,61
224	14-11-23	162.787.879.001	15.166.990,67	10.733,03	2,15
225	15-11-23	162.858.826.267	15.166.990,67	10.737,71	4,68
226	16-11-23	162.846.681.470	15.166.990,67	10.736,91	(0,80)
227	19-11-23	162.900.146.843	15.167.090,61	10.740,36	3,45
228	20-11-23	162.939.981.729	15.167.646,45	10.742,60	2,24
229	21-11-23	163.104.316.407	15.167.831,69	10.753,30	10,70
230	22-11-23	162.985.484.927	15.167.831,69	10.745,47	(7,83)
231	23-11-23	163.106.600.096	15.168.016,88	10.753,32	7,85
232	26-11-23	163.214.548.326	15.168.016,88	10.760,44	7,12
233	27-11-23	163.228.280.329	15.168.016,88	10.761,34	0,90
234	28-11-23	163.146.165.486	15.168.201,80	10.755,80	(5,54)
235	29-11-23	163.197.327.678	15.168.201,80	10.759,17	3,37
236	30-11-23	163.178.728.661	15.168.201,80	10.757,94	(1,23)
237	03-12-23	163.209.755.508	15.168.201,80	10.759,99	2,05
238	04-12-23	163.293.662.896	15.168.201,80	10.765,52	5,53
239	05-12-23	163.303.741.423	15.168.590,15	10.765,91	0,39
240	06-12-23	163.258.836.282	15.168.774,79	10.762,82	(3,09)
241	07-12-23	163.330.768.297	15.168.774,79	10.767,56	4,74
242	10-12-23	163.427.232.879	15.168.681,91	10.773,99	6,43
243	11-12-23	163.480.774.831	15.168.681,91	10.777,52	3,53
244	12-12-23	163.572.063.691	15.172.928,70	10.780,52	3,00
245	13-12-23	163.697.181.344	15.173.020,99	10.788,70	8,18
246	14-12-23	163.654.127.979	15.173.020,99	10.785,86	(2,84)
247	17-12-23	163.792.092.267	15.173.020,99	10.794,95	9,09
248	18-12-23	163.906.770.277	15.173.113,16	10.802,44	7,49
249	19-12-23	163.847.137.373	15.173.573,70	10.798,19	(4,25)
250	20-12-23	163.886.457.330	15.173.573,70	10.800,78	2,59
251	21-12-23	163.909.022.375	15.173.573,70	10.802,26	1,48
252	24-12-23	163.983.999.678	15.173.573,70	10.807,21	4,95
253	25-12-23	164.042.712.357	15.175.230,91	10.809,89	2,68
254	26-12-23	164.066.261.294	15.175.230,91	10.811,45	1,56
255	27-12-23	164.162.809.737	15.175.783,10	10.817,41	5,96
256	28-12-23	164.204.570.142	15.175.783,10	10.820,17	2,76
257	31-12-23	164.329.780.895	15.175.967,08	10.828,29	8,12

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm 158.320.040.122

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất 18,30

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất (0,01)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

16. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán bắt đầu ngày 22 tháng 9 năm 2022 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022:

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
1	Tại ngày thành lập	125.661.888.700	12.566.188,87	10.000,00	-
2	22-09-22	125.692.538.831	12.566.188,87	10.002,43	2,43
3	25-09-22	125.699.277.296	12.566.188,87	10.002,97	0,54
4	26-09-22	125.694.865.519	12.566.188,87	10.002,62	(0,35)
5	27-09-22	125.690.453.863	12.566.188,87	10.002,27	(0,35)
6	28-09-22	125.686.042.328	12.566.188,87	10.001,92	(0,35)
7	29-09-22	125.681.630.914	12.566.188,87	10.001,57	(0,35)
8	30-09-22	125.677.219.620	12.566.188,87	10.001,22	(0,35)
9	02-10-22	125.668.500.909	12.566.188,87	10.000,52	(0,70)
10	03-10-22	125.665.234.377	12.566.188,87	10.000,26	(0,26)
11	04-10-22	125.663.167.901	12.566.188,87	10.000,10	(0,16)
12	05-10-22	125.666.168.019	12.566.188,87	10.000,34	0,24
13	06-10-22	125.675.312.087	12.566.188,87	10.001,06	0,72
14	09-10-22	125.702.807.254	12.566.188,87	10.003,25	2,19
15	10-10-22	125.642.634.259	12.566.188,87	9.998,46	(4,79)
16	11-10-22	125.483.524.175	12.566.288,88	9.985,72	(12,74)
17	12-10-22	125.469.107.472	12.566.288,88	9.984,57	(1,15)
18	13-10-22	125.442.948.334	12.566.288,88	9.982,49	(2,08)
19	16-10-22	125.315.877.792	12.566.288,88	9.972,38	(10,11)
20	17-10-22	125.524.193.366	12.566.288,88	9.988,96	16,58
21	18-10-22	125.535.834.267	12.566.288,88	9.989,88	0,92
22	19-10-22	125.467.951.629	12.566.288,88	9.984,48	(5,40)
23	20-10-22	146.381.855.459	14.659.036,82	9.985,77	1,29
24	23-10-22	150.326.326.525	15.057.603,98	9.983,41	(2,36)
25	24-10-22	150.369.196.026	15.057.603,98	9.986,26	2,85
26	25-10-22	150.389.270.955	15.057.603,98	9.987,59	1,33
27	26-10-22	150.408.008.122	15.057.603,98	9.988,84	1,25
28	27-10-22	150.426.939.428	15.057.603,98	9.990,09	1,25
29	30-10-22	150.485.027.443	15.057.603,98	9.993,95	3,86
30	31-10-22	150.374.473.752	15.057.543,98	9.986,65	(7,30)
31	01-11-22	150.400.318.048	15.057.543,98	9.988,36	1,71
32	02-11-22	150.484.869.745	15.057.543,98	9.993,98	5,62
33	03-11-22	150.488.014.407	15.057.543,98	9.994,19	0,21
34	06-11-22	150.507.662.256	15.057.543,98	9.995,49	1,30
35	07-11-22	150.603.924.402	15.057.543,98	10.001,89	6,40
36	08-11-22	150.566.137.637	15.057.543,98	9.999,38	(2,51)
37	09-11-22	150.622.451.426	15.057.543,98	10.003,12	3,74
38	10-11-22	150.648.928.345	15.057.543,98	10.004,88	1,76
39	13-11-22	150.711.477.515	15.057.543,98	10.009,03	4,15
40	14-11-22	150.541.442.905	15.057.543,98	9.997,74	(11,29)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

16. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán bắt đầu ngày 22 tháng 9 năm 2022 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo):

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
41	15-11-22	150.709.860.173	15.056.943,98	10.009,32	11,58
42	16-11-22	150.656.784.246	15.056.943,98	10.005,80	(3,52)
43	17-11-22	150.678.366.528	15.056.943,98	10.007,23	1,43
44	20-11-22	150.752.151.755	15.056.943,98	10.012,13	4,90
45	21-11-22	150.774.501.951	15.056.943,98	10.013,61	1,48
46	22-11-22	150.796.851.534	15.056.943,98	10.015,10	1,49
47	23-11-22	150.628.255.572	15.056.943,98	10.003,90	(11,20)
48	24-11-22	150.681.068.901	15.056.943,98	10.007,41	3,51
49	27-11-22	150.742.572.645	15.056.943,98	10.011,49	4,08
50	28-11-22	150.875.997.269	15.056.943,98	10.020,35	8,86
51	29-11-22	151.042.834.159	15.056.943,98	10.031,44	11,09
52	30-11-22	151.088.646.167	15.056.943,98	10.034,48	3,04
53	01-12-22	151.057.200.506	15.056.943,98	10.032,39	(2,09)
54	04-12-22	151.148.558.439	15.056.943,98	10.038,46	6,07
55	05-12-22	151.286.905.246	15.056.943,98	10.047,65	9,19
56	06-12-22	151.247.535.117	15.056.943,98	10.045,03	(2,62)
57	07-12-22	151.318.303.796	15.056.943,98	10.049,73	4,70
58	08-12-22	151.321.087.102	15.056.943,98	10.049,92	0,19
59	11-12-22	151.515.289.499	15.056.943,98	10.062,81	12,89
60	12-12-22	151.459.480.879	15.056.943,98	10.059,11	(3,70)
61	13-12-22	151.469.595.915	15.056.943,98	10.059,78	0,67
62	14-12-22	151.591.163.940	15.056.943,98	10.067,85	8,07
63	15-12-22	151.583.099.722	15.056.943,98	10.067,32	(0,53)
64	18-12-22	151.680.875.020	15.056.943,98	10.073,81	6,49
65	19-12-22	151.755.724.403	15.056.943,98	10.078,78	4,97
66	20-12-22	151.814.844.085	15.056.943,98	10.082,71	3,93
67	21-12-22	151.885.351.108	15.056.943,98	10.087,39	4,68
68	22-12-22	151.921.235.132	15.056.943,98	10.089,77	2,38
69	25-12-22	151.929.982.925	15.056.943,98	10.090,35	0,58
70	26-12-22	151.997.076.734	15.056.943,98	10.094,81	4,46
71	27-12-22	152.087.013.717	15.056.943,98	10.100,78	5,97
72	28-12-22	152.039.950.665	15.056.943,98	10.097,66	(3,12)
73	29-12-22	152.023.283.479	15.056.943,98	10.096,55	(1,11)
74	31-12-22	152.190.430.191	15.056.943,98	10.107,65	11,10

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 143.674.431.413

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất 16,58

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất (0,16)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

Chi tiết theo thời gian số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

	<i>Số cuối năm (chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Số đầu năm (chứng chỉ quỹ)</i>
Số lượng Chứng chỉ quỹ lưu hành đến 1 năm	120.262,20	15.056.943,98
Số lượng Chứng chỉ quỹ lưu hành trên 1 năm	15.055.704,88	-
	15.175.967,08	15.056.943,98

18. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỞ

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Năm nay (%)</i>	<i>(%)</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,56	1,75	
Tốc độ vòng quay danh mục	30,79	144,76	

18.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong kỳ (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

18.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

19. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

19.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ. Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp và Quỹ đầu tư vào tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi có lãi suất ổn định tại ngày lập báo cáo tài chính.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các trái phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của Quỹ là 96.834.355.253 VND. Nếu giá trị thị trường của các trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 9.683.435.525 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá thị trường của các trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên khoảng 9.683.435.525 đồng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

19. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

19.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	12.003.453.457	12.003.453.457	35.301.202.963	35.301.202.963
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	12.003.453.457	12.003.453.457	10.114.469.242	10.114.469.242
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	-	-	25.186.733.721	25.186.733.721
Các khoản đầu tư	147.536.336.723	147.536.336.723	115.123.843.117	115.123.843.117
- Trái phiếu	107.836.336.723	107.836.336.723	50.311.560.403	50.311.560.403
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	39.700.000.000	39.700.000.000	20.025.479.452	20.025.479.452
- Chứng chỉ tiền gửi	-	-	44.786.803.262	44.786.803.262
Các khoản phải thu	5.072.135.952	5.072.135.952	2.036.789.027	2.036.789.027
	164.611.926.132	164.611.926.132	152.461.835.107	152.461.835.107
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho các Đại lý phân phối, Công ty Quản lý				
Quỹ về mua bán CCQ	469.182	469.182	-	-
Chi phí phải trả	89.300.000	89.300.000	84.300.000	84.300.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	187	187	187	187
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	191.473.871	191.473.871	181.204.729	181.204.729
Phải trả, phải nộp khác	-	-	5.000.000	5.000.000
	281.243.240	281.243.240	270.504.916	270.504.916

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh* 3.3.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCam-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

21.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phí dịch vụ quản lý quỹ mở	1.582.617.395	398.358.524

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	139.073.871	128.804.729

b) Thù lao của Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	108.000.000	29.700.000

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	24.300.000	24.300.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

21.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	2.491.315,10	16,42	2.491.315,10	16,54
Bên liên quan khác		4.473,29	0,03	3.800,00	0,03
		2.495.788,39	16,45	2.495.115,10	16,57

21.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 7.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và phí dịch vụ lưu ký là 0,06% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá phí lưu ký xử lý hồ sơ đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tối thiểu là 100.000 đồng/ngày giao dịch và tối đa là 10.000.000 đồng/ngày giao dịch và công thức tính là 0,01% giá trị giao dịch. Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác thì mức phí dịch vụ giao dịch chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát là 100.000 đồng/giao dịch.

Chi tiết phí dịch vụ và thu nhập phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	747.377.912	115.858.317
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	198.000.000	54.450.000
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	180.000.000	49.500.000
Phí dịch vụ giám sát	92.400.000	25.409.996
Phí ngân hàng	3.103.868	11.040.868
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	8.875.203	7.018.629

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC
(tiếp theo)

21.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi thanh toán	12.003.452.536	10.114.469.242
Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua CCQ	916	-
Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động bán CCQ	5	-
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.000.000	15.000.000
Phải trả dịch vụ giám sát	7.700.000	7.700.000

22. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.


Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán quỹ


Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng


Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024